CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cơ điện Miền Trung

Ngày 30/06/2025	24,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-7.0%**	**-7.0%**

DT thuần
Q2/25
84.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 21.9| 35.0%
YoY: ▼140| -62.4%

LN thuần
Q2/25
0.65
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.72| -52.6%
YoY: ▼1.15| -63.9%

LN sau thuế
Q2/25
0.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.64| -62.9%
YoY: ▼1.42| -79.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
1.5%
YoY: +/-▼ 1.8%

ROE (TTM)
Q2/25
6.7%
YoY: +/-▼ 1.6%

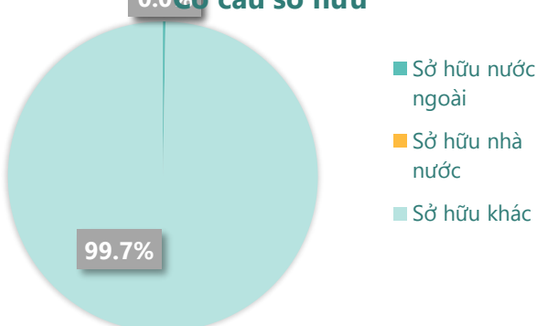
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	24,000 - 25,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	192
Số lượng CPLH (CP)	8,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	(0.03)
EPS	770
P/E	31.2

DT thuần
6T 2025
147
tỷ VNĐ
YoY: ▼136| -48.0%

LN thuần
6T 2025
2.02
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.04| -34.0%

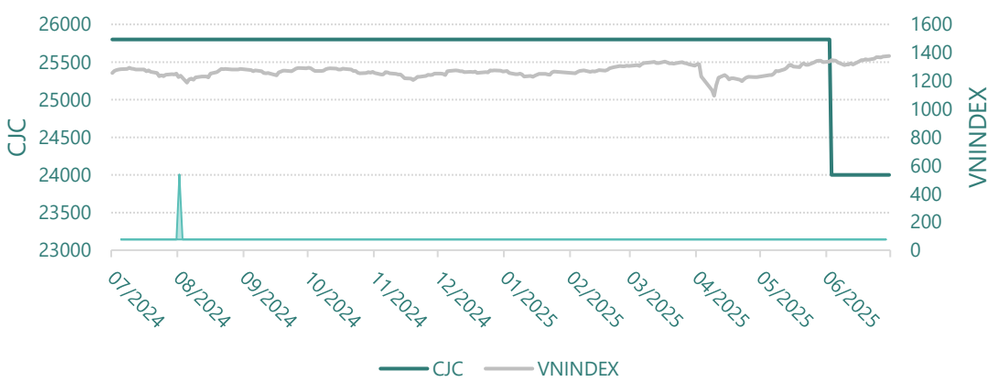
LN sau thuế
6T 2025
1.40
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.66| -54.3%

Cơ cấu sở hữu

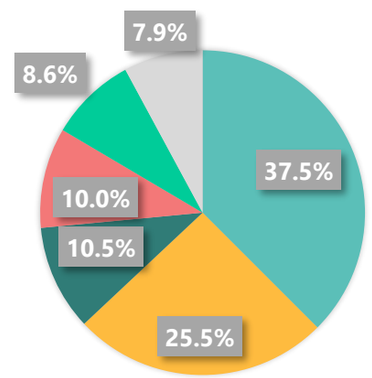


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

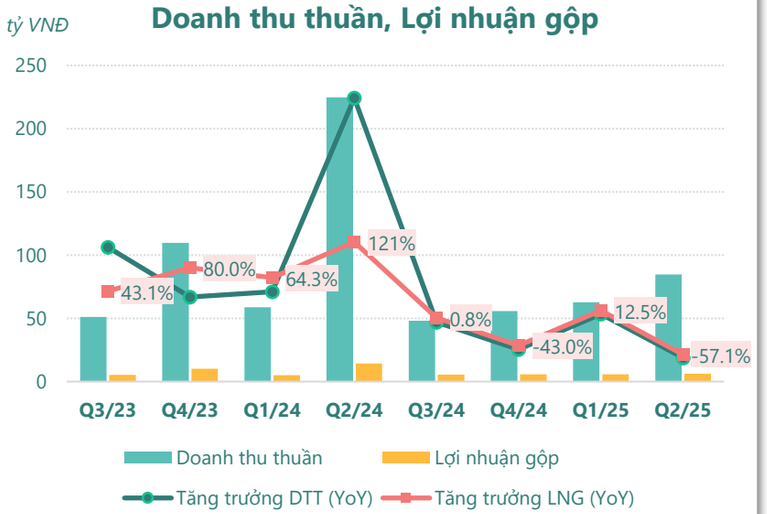


- CTCP Tập đoàn Austdoor
- Nguyễn Hữu Thắng (Chủ tịch HĐQT)
- Đào Thị Minh Thu
- Lê Thành Lâm (Tổng giám đốc)
- Nguyễn Ngọc Kiên
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

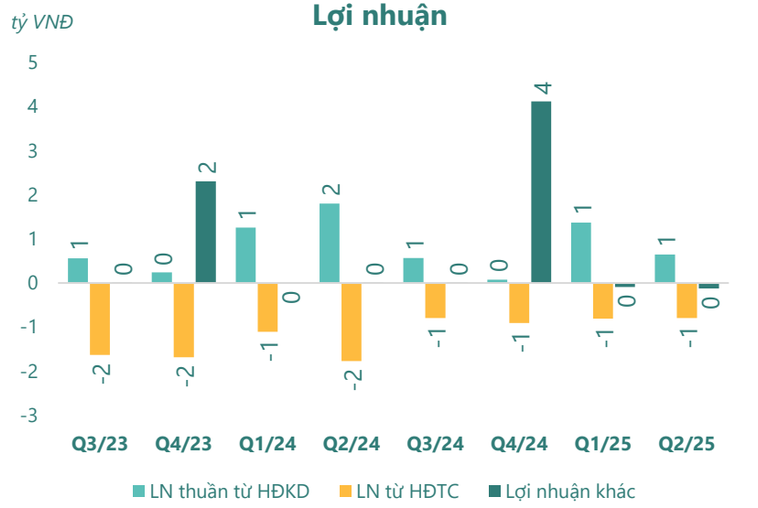
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



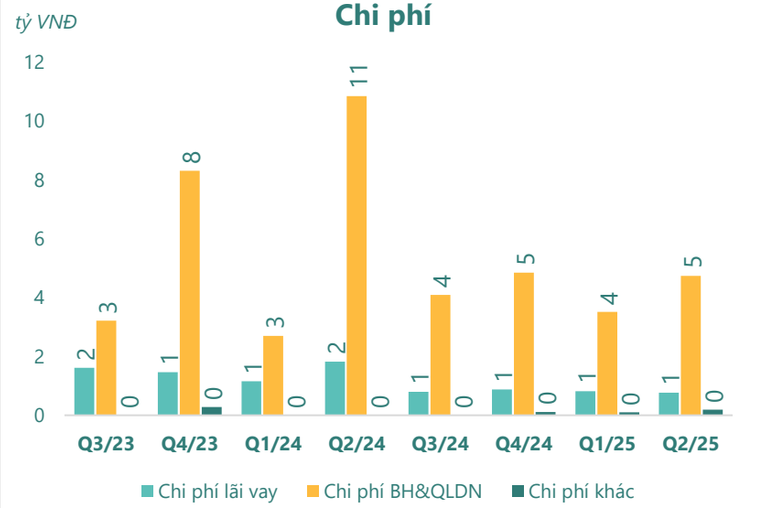
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



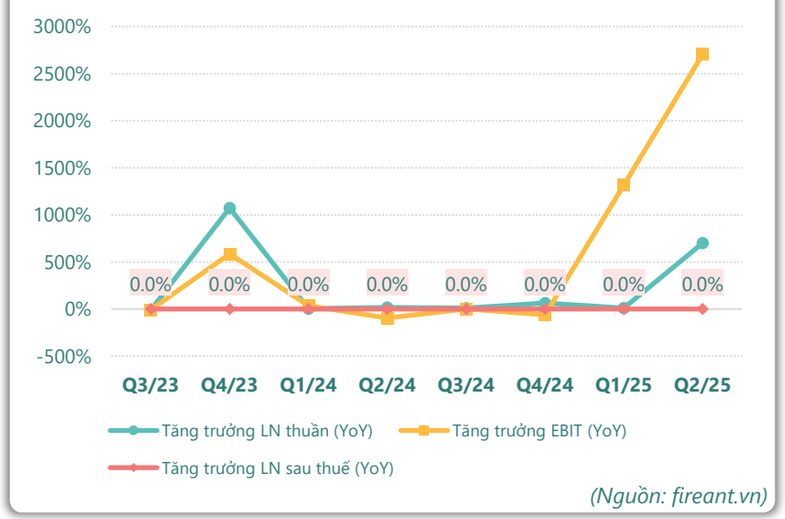
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



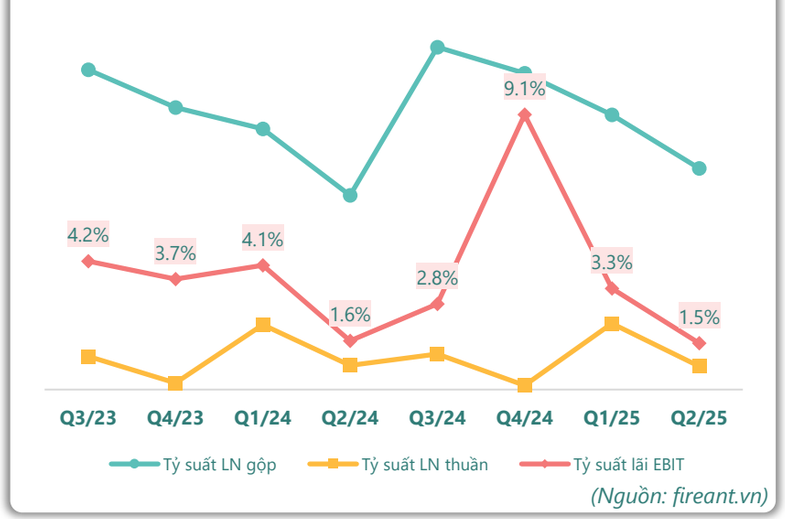
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



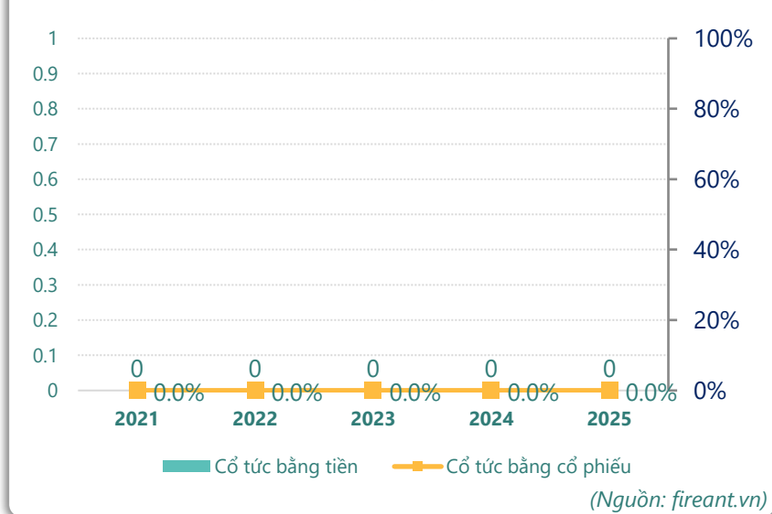
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

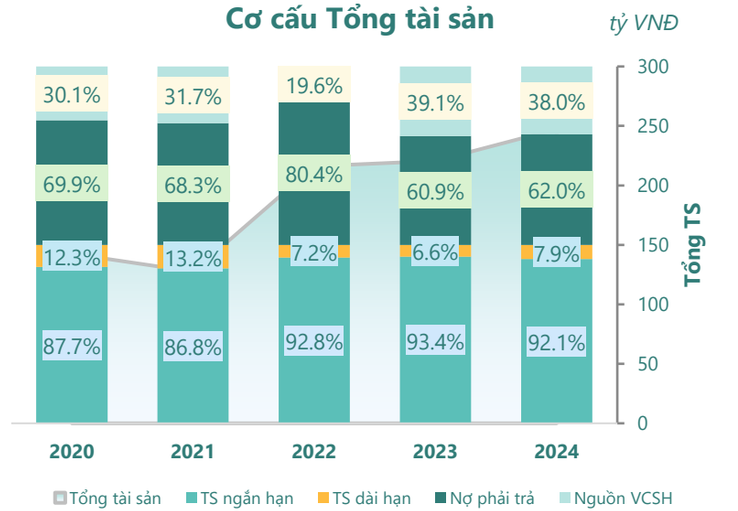
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

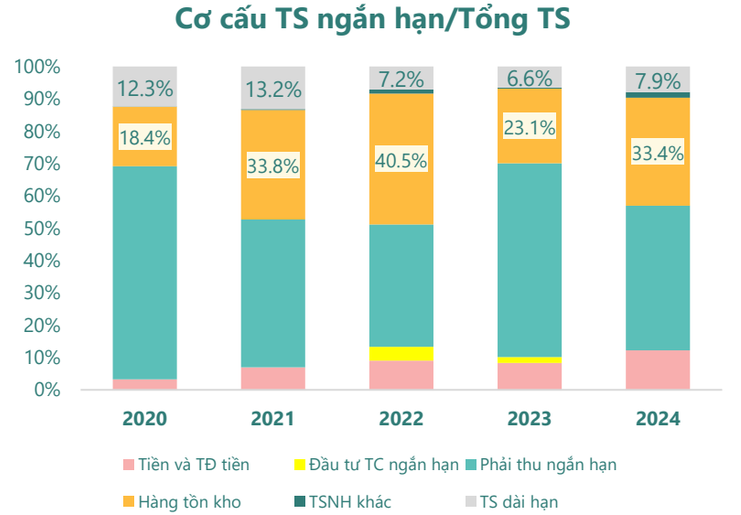
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



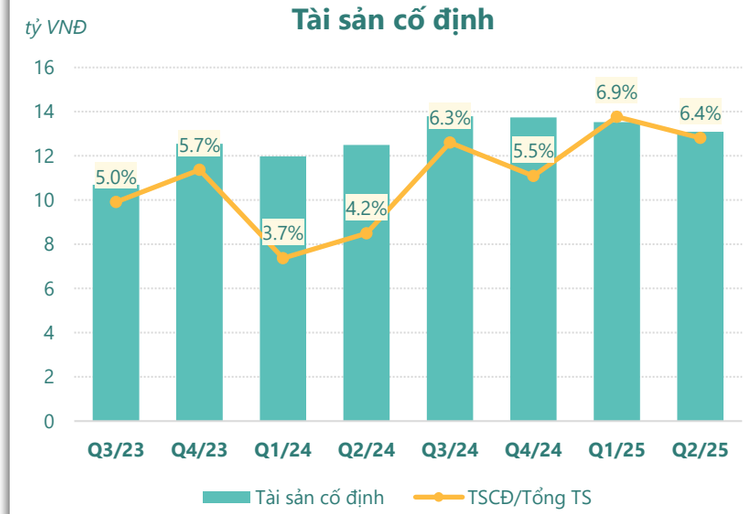
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



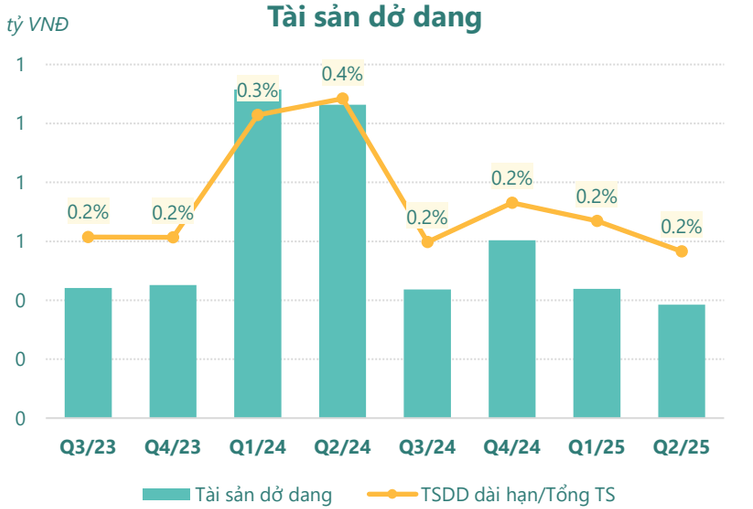
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



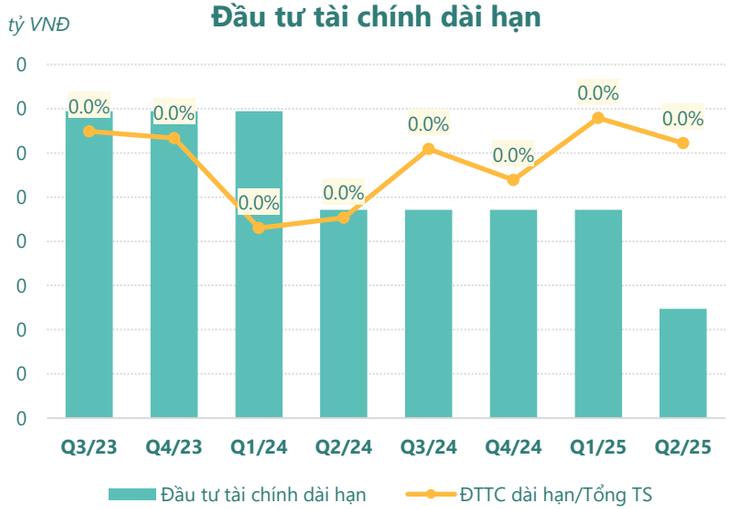
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



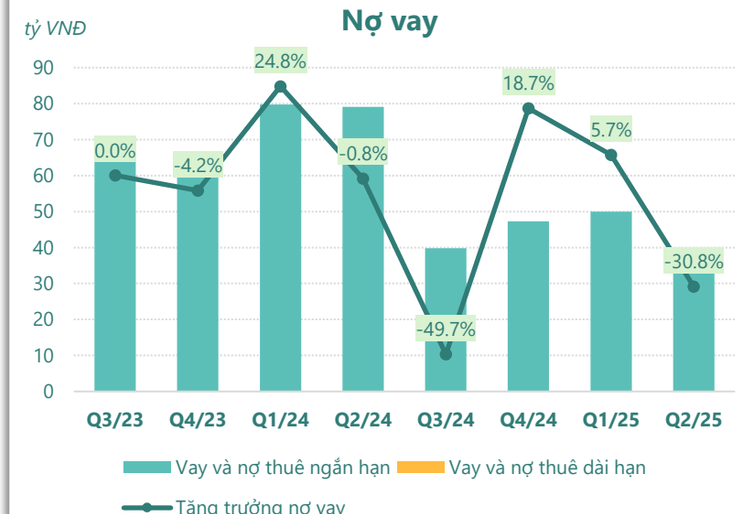
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

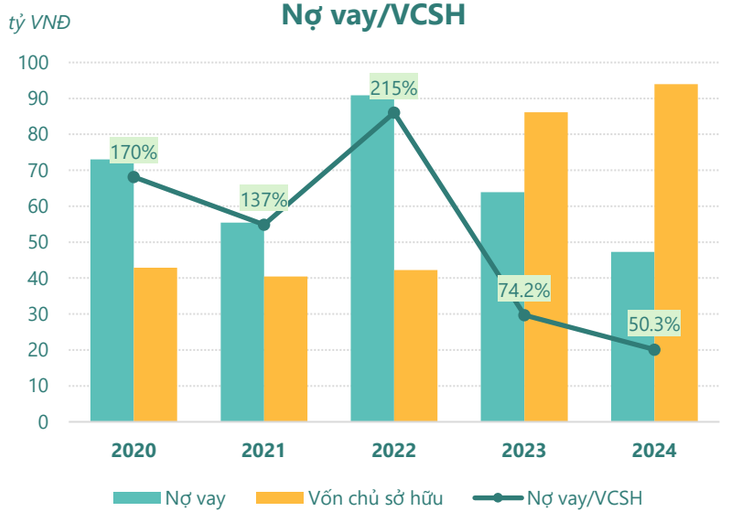
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

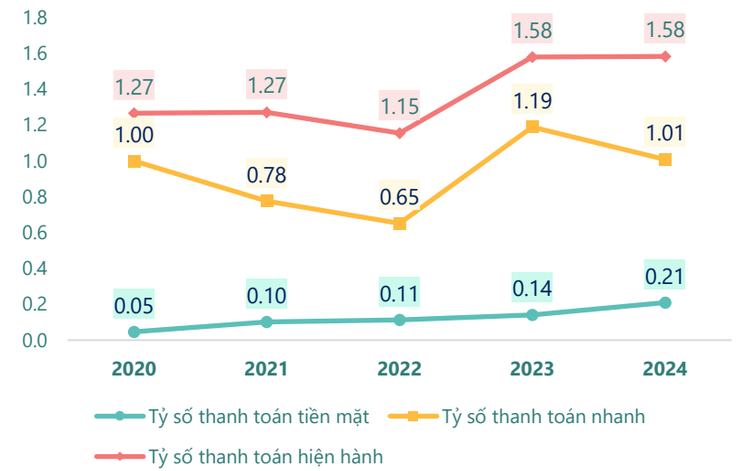
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



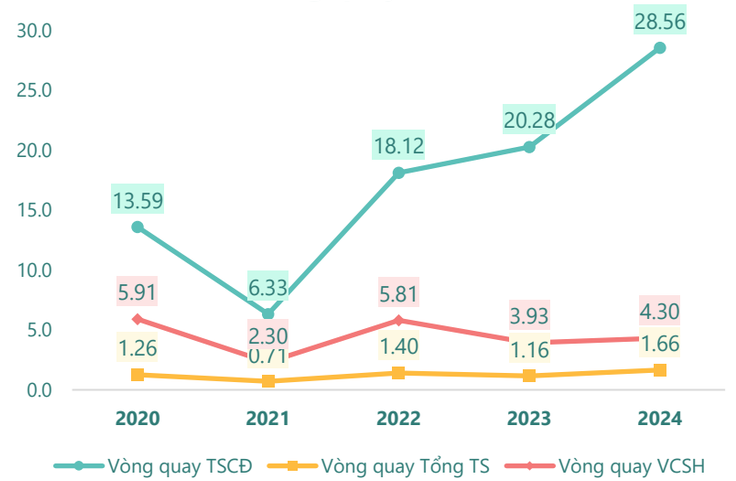
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



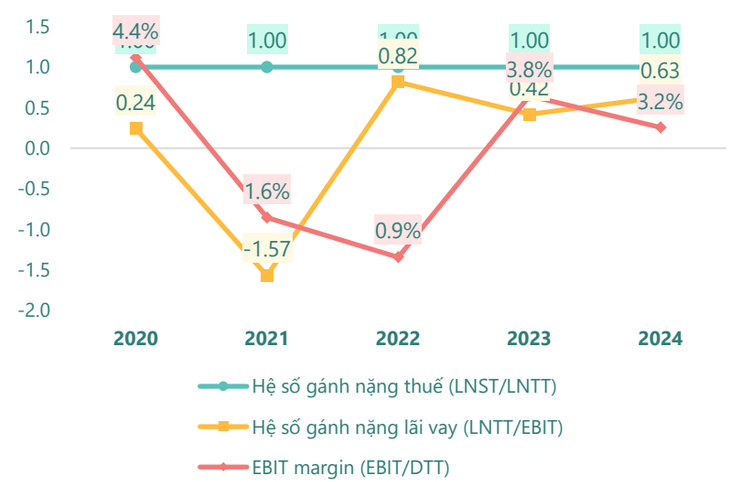
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



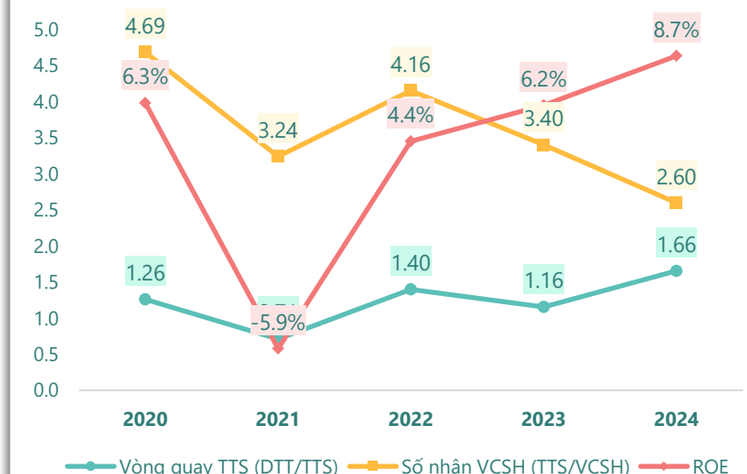
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



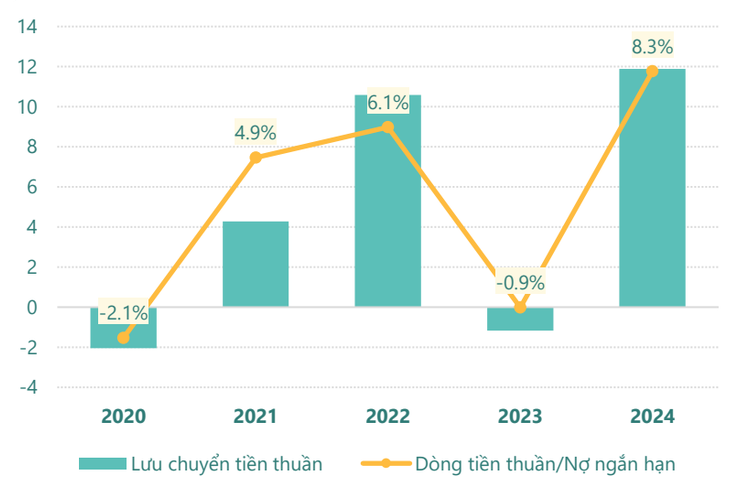
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**84.6**	**225**	**-62.4%**	**147**	**283**	**-48.0%**
Giá vốn hàng bán	78.5	210	-62.6%	135	264	-48.7%
Lợi nhuận gộp	6.19	14.4	-57.0%	11.9	19.5	-39.0%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.09	-47.7%	0.06	0.15	-58.1%
Chi phí TC	0.84	1.86	-54.8%	1.66	3.02	-44.9%
Chi phí lãi vay	0.77	1.83	-57.9%	1.59	2.98	-46.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.63	5.58	-88.8%	0.63	5.58	-88.8%
Chi phí QLDN	**4.12**	**5.28**	**-22.0%**	**7.63**	**7.98**	**-4.3%**
LN thuần từ HĐKD	0.65	1.80	-63.9%	2.02	3.06	-34.0%
Lợi nhuận khác	**-0.12**	**0.00**		**-0.22**	**0.00**	**-38747%**
LN trước thuế	0.53	1.80	-70.7%	1.80	3.06	-41.1%
Lợi nhuận sau thuế	**0.38**	**1.80**	**-79.0%**	**1.40**	**3.06**	**-54.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.38**	**1.80**	**-79.0%**	**1.40**	**3.06**	**-54.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-11.6	-2.62	47.5	-4.41	-14.3	22.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.12	-1.67	-2.00	0.22	-0.68	-0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	15.9	-0.64	-39.3	7.45	2.71	-15.4
Tiền đầu kỳ	18.3	25.7	20.8	27.0	30.2	17.9
Lưu chuyển tiền thuần	**7.39**	**-4.92**	**6.17**	**3.26**	**-12.3**	**7.35**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	-0.05	0	0.01
Tiền cuối kỳ	25.7	20.8	27.0	30.2	17.9	25.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**204**	**247**	**-17.4%**
Tài sản ngắn hạn	186	228	-18.2%
Tiền và tương đương tiền	25.3	30.2	-16.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	97.6	111	-11.9%
Hàng tồn kho	60.5	82.7	-26.8%
Tài sản ngắn hạn khác	3.04	4.19	-27.6%
Tài sản dài hạn	**17.9**	**19.6**	**-8.8%**
Phải thu dài hạn	1.10	1.46	-24.8%
Tài sản cố định	13.1	14.6	-10.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.39	0.70	-45.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.02	0.02	-4.8%
Tài sản dài hạn khác	**3.30**	**2.85**	**15.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	109	153	-29.0%
Nợ ngắn hạn	**99.4**	**144**	**-30.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	34.6	47.3	-26.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	24.4	32.3	-24.4%
Nợ dài hạn	9.53	9.51	0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**95.3**	**93.9**	**1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**95.3**	**93.9**	**1.5%**
Vốn điều lệ	80.0	80.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)